TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** Bản án số: 319/2026/DS-ST Ngày: 27-8-2026 V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lữ Văn Giang;

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 410/2026/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2026/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đào Văn K, sinh năm: 1992; nơi cư trú: thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Căn cước công dân:034092009580.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Bà Trịnh Khả Á, sinh năm 2003; địa chỉ liên lạc: Số H, đường H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt;

2. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1991; địa chỉ liên lạc: Số H, đường H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt;

Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29/01/2026).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết H1, sinh năm: 1970; nơi thường trú: số F, đường L, tổ A, khu phố H (nay là khu phố H), phường P, Thành phố Hồ Chí

Minh; chỗ ở hiện nay: Số F, đường N, khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cước công dân: 074170002902, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đào Huy C, sinh năm 1971; địa chỉ: Số F, Ngõ B, Đ, phường C, Thành phố Hà Nội. Căn cước công dân: 034071007206, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Qua ông Đào Huy C (chú ruột của Đào Văn K) thì ông Đào Văn K biết bà Nguyễn Thị Tuyết H1. Ngày 23/5/2023, ông K có cho bà H1 vay số tiền gốc 200.000.000 đồng, mục đích vay phục vụ nhu cầu cá nhân của bà H1. Thời hạn vay 05 tháng từ ngày 23/5/2023. Lãi suất 2%/tháng. Hai bên không lập hợp đồng vay. Ngày 23/5/2023, ông K chuyển khoản cho bà H1 vay số tiền 200.000.000 đồng từ số tài khoản 0347718998 của ông K tại Ngân hàng TMCP Q vào số tài khoản 1001100681 của bà H1 tại Ngân hàng TMCP S. Trong nội dung chuyển khoản có thể hiện ông K cho bà H1 vay tiền thời hạn 05 tháng.

Sau khi vay, bà H1 đã trả cho ông K được 07 tháng tiền lãi (từ tháng 5/2023 đến tháng 02/2024), mỗi tháng là 4.000.000 đồng, tổng số tiền ông K đã nhận là 28.000.000 đồng. Bà H1 không trực tiếp trả lãi cho ông K mà trả qua ông Đào Huy C. Sau khi ông C nhận được tiền từ bà H1 sẽ giao tiền mặt cho ông K. Lý do bà H1 chuyển tiền qua ông C vì ông C cũng có cho bà H1 vay tiền nên khi bà H1 trả tiền cho ông C thì sẽ trả cho ông K luôn. Việc thỏa thuận chuyển tiền qua ông C thì hai bên không có lập văn bản mà chỉ nhắn qua zalo.

Ông Đào Văn K yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết H1 trả số tiền gốc là 200.000.000 đồng và lãi quá hạn theo mức lãi suất là 30%/năm đối với số tiền 200.000.000 đồng tính từ ngày 01/03/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Tuyết H1 không thế chấp tài sản, giấy tờ gì cho ông Đào Văn K.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H1 trình bày:

Ông Đào Văn K là cháu bà con của chồng bà H1. Qua ông Đào Huy C là em của chồng bà H1, chú ruột của Đào Văn K thì Đào Văn K biết bà H1 làm ăn được và có uy tín với bên chồng. Ông K có gửi bà H1 số tiền 200.000.000 đồng để bà H1 làm ăn và có lợi nhuận thì cho ông K. Ngày 23/5/2023, ông K chuyển khoản cho bà H1 số tiền 200.000.000 đồng. Do giữa bà H1 và ông K không phải vay tiền nên không có lãi. Khi nào ông K cần tiền thì thông báo bà H1 sẽ trả lại toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng. Việc ông K cho bà H1 mượn tiền không lập giấy tờ.

Mặc dù không có lãi nhưng do bà H1 làm ăn có lời nên hàng tháng bà H1 có cho ông K 4.000.000 đồng. Bà H1 không chuyển tiền trực tiếp cho ông K mà chuyển qua ông Đào Huy C. Bà H1 chuyển khoản từ số tài khoản của bà H1 số 1001100681 và 0938166368 tại Ngân hàng TMCP S. Bà H1 đã chuyển tiền cho

ông K được 13 tháng tổng cộng là 52.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền từ bà H1 thì ông C sẽ chuyển lại cho ông K. Việc bà H1 chuyển khoản cho ông C là theo yêu cầu của K và không lập giấy tờ.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông K thì bà H1 đồng ý trả số tiền gốc là 200.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi vì giữa bà H1 và ông K không phải vay tiền và cũng không có thỏa thuận về việc bà H1 sẽ trả lãi 2% như trình bày của ông K. Trước khi Tòa án mời làm việc, bà H1 không nhận được thông báo trả tiền của ông K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Huy C trình bày:

Khoảng tháng 5/2023, ông Đào Huy C giới thiệu cho bà Nguyễn Thị Tuyết H1 và ông Đào Văn K để hai bên trao đổi vay tiền. Việc vay mượn tiền giữa ông K và bà H1 do hai bên trực tiếp thỏa thuận, ông C không tham gia.

Ông K cho bà H1 vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng tính từ ngày 23/5/2023 đến ngày 23/10/2023. Ông K đã chuyển khoản cho bà H1 200.000.000 đồng vào tài khoản của bà H1. Ông C không nhận tiền từ ông K và không có quyền định đoạt đối với số tiền này.

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2024 đến tháng 06/2024, bà H1 có thông qua ông C để trả cho ông K tiền lãi, sau khi nhận tiền từ bà H1 thì ông C đã giao lại đầy đủ cho ông K. Tổng số tiền lãi ông C đã nhận từ bà H1 là 16.000.000 đồng, tương ứng 4 tháng tiền lãi, mỗi tháng 4.000.000 đồng. Ông C đã giao đầy đủ tiền, không giữ khoản nào.

**** Tại phiên tòa:***

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/05/2023, do có mối quan hệ quen biết và tin tưởng, ông Đào Văn K có cho bà Nguyễn Thị Tuyết H1 vay số tiền là 200.000.000 đồng thời hạn vay là 05 (năm) tháng, được tính từ ngày 23/05/2023 đến 23/10/2023. Việc giao tiền vay được thực hiện thông qua hình thức chuyển khoản ngân hàng, nội dung giao dịch chuyển khoản thể hiện rõ: *"Cháu K cho bà H1 vay tiền năm tháng sau bà H1 gửi trả cho cháu K"*. Mục đích sử dụng tiền vay để phục vụ cho công việc cá nhân của bà H1. Theo thỏa thuận, bà H1 có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi cho ông Đào Văn K mỗi tháng 01 lần (2%/tháng, tương đương 4.000.000 đồng/tháng) và khi đến hạn vay bà H1 phải hoàn trả toàn bộ số tiền gốc đã vay là 200.000.000 đồng. Từ tháng 05/2023 đến tháng 10/2023, bà H1 đã thực hiện việc trả lãi đầy đủ và đúng hạn (4.000.000 đồng/tháng). Khi thời hạn vay kết thúc vào ngày 23/10/2023, bà H1 đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc mà đề nghị gia hạn thời gian trả nợ với lý do chưa có khả năng thanh toán ngay toàn bộ số tiền đã vay. Vì thấy trong khoảng thời gian trước đó, bà H1 thực hiện việc trả lãi đầy đủ nên ông Đào Văn K đã đồng ý cho bà H1 tiếp tục trả lãi trong thời gian gia hạn. Bà H1 đã tiếp tục thanh toán tiền lãi cho ông Đào Văn K cho đến hết tháng 06/2024. Tuy nhiên, kể từ sau thời điểm tháng 06/2024, (tổng là 13 tháng, tương đương 52.000.000 đồng) bà H1 đã trì hoãn, không tiếp tục thanh

toán bất kỳ khoản lãi nào và cũng không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc. Trong suốt thời gian này, ông Đào Văn K đã nhiều lần liên hệ với bà H1 bằng cách gọi điện thoại, nhắn tin và nhờ liên hệ đề nghị gặp gỡ để yêu cầu bà H1 thanh toán khoản nợ, nhưng bà H1 luôn tìm lý do né tránh, xin khất nợ nhiều lần và đến nay hoàn toàn không thể hiện thiện chí hợp tác để trả nợ.

Tại thời điểm cho vay tiền ông K không am hiểu đầy đủ quy định pháp luật nên mức lãi suất đã thỏa thuận vượt quá mức cho phép. Vì vậy, phần lãi vượt quá mà bà H1 đã thanh toán là 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng) sẽ được khấu trừ trực tiếp vào nợ gốc 200.000.000 đồng, cụ thể:

+ Tháng thứ nhất: Sau khi trừ khoản lãi đúng quy định 3.320.000 đồng (1,66%/tháng), số nợ gốc còn lại là: 200.000.000 đồng - (4.000.000 đồng - 3.320.000 đồng) = 199.320.000 đồng.

+ Tháng thứ hai: Sau khi trừ khoản lãi 3.308.712 đồng (1,6% tháng trên nợ gốc còn lại của tháng thứ nhất) - số nợ gốc còn lại là 199.320.000 đồng - (4.000.000 đồng - 3.308.712 đồng) = 92.423.020 đồng.

+ Tháng thứ ba: Sau khi trừ khoản lãi 3.297.237 đồng (1,66%/tháng trên nợ gốc còn lại của tháng thứ hai), số nợ gốc còn lại là: 198.628.712 đồng - (4.000.000 đồng - 3.297.237 đồng) = 197.925.949 đồng.

+ Tháng thứ tư: Sau khi trừ khoản lãi 3.285.571 đồng (1,66%/tháng trên nợ gốc còn lại của tháng thứ ba), số nợ gốc còn lại là: 197.925.949 đồng - (4.000.000 đồng - 3.285.571 đồng) = 197.211.520 đồng.

+ Tháng thứ năm: Sau khi trừ khoản lãi 3.273.711 đồng (1,66%/tháng trên nợ gốc còn lại của tháng thứ tư), số nợ gốc còn lại là: 197.211.520 đồng - (4.000.000 đồng - 3.273.711 đồng) = 196.485.231 đồng.

+ Tháng thứ sáu: Sau khi trừ khoản lãi 3.261.655 đồng (1,66%/tháng trên nợ gốc còn lại của tháng thứ năm), số nợ gốc còn lại là: 196.485.231 đồng - (4.000.000 đồng - 3.261.655 đồng) = 195.746.886 đồng.

+ Tháng thứ bảy: Sau khi trừ khoản lãi 3.249.398 đồng (1,66%/tháng trên nợ gốc còn lại của tháng thứ sáu), số nợ gốc còn lại là: 195.746.886 đồng - (4.000.000 đồng - 3.249.398 đồng) = 194.996.284 đồng.

+ Tháng thứ tám: Sau khi trừ khoản lãi 3.236.938 đồng (1,66%/tháng trên nợ gốc còn lại của tháng thứ bảy), số nợ gốc còn lại là: 194.996.284 đồng - (4.000.000 đồng - 3.236.938 đồng) = 194.233.222 đồng.

+ Tháng thứ chín: Sau khi trừ khoản lãi 3.224.271 đồng (1,66%/tháng trên nợ gốc còn lại của tháng thứ tám), số nợ gốc còn lại là: 194.233.222 đồng - (4.000.000 đồng - 3.224.271 đồng) = 193.457.493 đồng.

+ Tháng thứ mười: Sau khi trừ khoản lãi 3.211.394 đồng (1,66%/tháng trên nợ gốc còn lại của tháng thứ chín), số nợ gốc còn lại là: 193.457.493 đồng - (4.000.000 đồng - 3.211.394 đồng) = 192.668.887 đồng.

+ Tháng thứ mười một: Sau khi trừ khoản lãi 3.198.304 đồng (1,66%/tháng

trên nợ gốc còn lại của tháng thứ mười), số nợ gốc còn lại là: 192.668.887 đồng - (4.000.000 đồng - 3.198.304 đồng) = 191.867.191 đồng.

+ Tháng thứ mười hai: Sau khi trừ khoản lãi 3.184.995 đồng (1,66%/tháng trên nợ gốc còn lại của tháng thứ mười một), số nợ gốc còn lại là: 191.867.191 đồng - (4.000.000 đồng - 3.184.995 đồng) = 191.052.186 đồng.

+ Tháng thứ mười ba: Sau khi trừ khoản lãi 3.171.466 đồng (1,66%/tháng trên nợ gốc còn lại của tháng thứ mười hai), số nợ gốc còn lại là: 191.052.186 đồng - (4.000.000 đồng - 3.171.466 đồng) = 190.223.652 đồng.

Ông Đào Văn K đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Tuyết H1 hoàn trả cho ông Đào Văn K:

- Tiền gốc còn lại là: 190.223.652 đồng.

- Lãi quá hạn trả nợ gốc theo quy định tại khoản 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 là 150% x 20%/năm = 30%/năm. Theo thỏa thuận ban đầu, thời hạn vay kết thúc vào ngày 23/10/2023, bà H1 phải hoàn trả lại khoản tiền gốc đã vay cộng với khoản tiền lãi phát sinh. Khi đến hạn, bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và có đề nghị ông Đào Văn K cho gia hạn thời gian trả nợ. Sau đó, bà H1 đã tiếp tục thanh toán tiền lãi cho đến hết tháng 06/2024. Kể từ thời điểm này, bà H1 không tiếp tục thanh toán tiền lãi và cũng không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc, đồng thời không đưa ra bất kỳ phương án thanh toán cụ thể nào, mặc dù ông Đào Văn K đã nhiều lần yêu cầu. Chính vì vậy, khoản lãi quá hạn được tính kể từ thời điểm bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và khoản vay chuyển sang tình trạng quá hạn là từ ngày 01/07/2024 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (tạm tính đến ngày 27/8/2026) là: 190.223.652 x 30%/năm x 787 ngày = 123.046.039 đồng.

Trường hợp số tiền gốc mà ông K tính không phù hợp quy định của pháp luật thì yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H1 đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Huy C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án: Tòa án, Thẩm phán đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định.

1.2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Đào Văn K yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H1 trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và lãi chậm trả nợ gốc tính từ ngày 01/7/2024 đến ngày 01/7/2026 theo mức lãi suất 30%/năm nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H1 có nơi cư trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Huy C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[1.4] Theo đơn khởi kiện, ông Đào Văn K yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết H1 trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn xác định số tiền nợ gốc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là số tiền còn lại sau khi trừ số tiền lãi đã trả vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương đương khoảng 190.223.652 đồng. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện bau đầu nên căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Ông Đào Văn K yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết H1 trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng mà ông K cho bà H1 vay ngày 23/5/2023. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông K cung cấp cho Tòa án sổ phụ chi tiết kiêm giấy báo nợ/báo có tài khoản của ông Đào Văn K số 0347718998 tại Ngân hàng TMCP Q.

[2.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H1 xác định ông Đào Văn K có giao cho bà H1 số tiền 200.000.000 đồng nhưng cho rằng giữa bà H1 với ông K không có quan hệ vay tiền mà do ông K thấy bà H1 làm ăn được nên giao cho bà H1 200.000.000 đồng để làm ăn, khi bà H1 làm ăn có lời sẽ cho ông K lợi nhuận.

[2.3] Xét thấy, giữa ông Đào Văn K và bà Nguyễn Thị Tuyết H1 không lập hợp đồng vay tiền nhưng theo sổ phụ chi tiết kiêm giấy báo nợ/báo có tài khoản của ông Đào Văn K số 0347718998 tại Ngân hàng TMCP Q mà ông K cung cấp thể hiện ngày 23/5/2023, ông K có chuyển khoản cho bà H1 số tiền 200.000.000 đồng và nội dung chuyển khoản có ghi rõ "*Chau Kien cho ba H2 vay tien nam thang sau ba Hong gui tra chau Kien*". Đồng thời, qua lời trình bày của ông Đào Huy C thể hiện ông K có cho bà H1 vay số tiền 200.000.000 đồng và hàng tháng ông C nhận lãi thay cho ông K. Như vậy có căn cứ xác định giao dịch giữa ông Đào Văn K và bà Nguyễn Thị Tuyết H1 là Hợp đồng vay tiền.

[2.4] Ông Đào Văn K và bà Nguyễn Thị Tuyết H1 đều thống nhất hiện nay bà H1 chưa thanh toán cho ông K số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng. Đồng thời hai bên thống nhất bà Nguyễn Thị Tuyết H1 đã trả cho ông K được 13 tháng tiền lãi, mỗi tháng 4.000.000 đồng, tổng số tiền lãi là 52.000.000 đồng; bà H1 trả lãi cho ông K thông qua ông Đào Huy C, cụ thể:

1. Ngày 19/6/2023, bà Nguyễn Thị Tuyết H1 chuyển khoản cho ông Đào Huy C số tiền 6.000.000 đồng, có nội dung "chi gui tien lai cho e 2tr và chau kien 4tr nhe".

2. Ngày 18/7/2023, bà Nguyễn Thị Tuyết H1 chuyển khoản cho ông Đào Huy C số tiền 6.000.000 đồng, có nội dung "chi gui tien lai cho e 2tr và chau kien 4tr nhe".

3. Ngày 18/8/2023, bà Nguyễn Thị Tuyết H1 chuyển khoản cho ông Đào Huy C số tiền 6.000.000 đồng, có nội dung "chi gui tien lai cho e 2tr và chau kien 4tr nhe".

4. Ngày 20/9/2023, bà Nguyễn Thị Tuyết H1 chuyển khoản cho ông Đào Huy C số tiền 6.000.000 đồng, có nội dung "chi gui tien lai cho e 2tr và chau kien 4tr nhe".

5. Ngày 19/10/2023, bà Nguyễn Thị Tuyết H1 chuyển khoản cho ông Đào Huy C số tiền 8.000.000 đồng, có nội dung "chi gui tien lai cho e 4tr và chau kien 4tr nhe".

6. Ngày 20/11/2023, bà Nguyễn Thị Tuyết H1 chuyển khoản cho ông Đào Huy C số tiền 8.000.000 đồng, có nội dung "chi gui tien lai cho e 4tr và chau kien 4tr nhe".

7. Ngày 20/12/2023, bà Nguyễn Thị Tuyết H1 chuyển khoản cho ông Đào Huy C số tiền 8.000.000 đồng, có nội dung "chi gui tien lai cho e 4tr và chau kien 4tr nhe".

8. Ngày 17/01/2024, bà Nguyễn Thị Tuyết H1 chuyển khoản cho ông Đào Huy C số tiền 8.000.000 đồng, có nội dung "chi gui tien lai cho e 4trieu và chau kien 4trieu nhe".

9. Ngày 20/02/2024, bà Nguyễn Thị Tuyết H1 chuyển khoản cho ông Đào Huy C số tiền 8.000.000 đồng, có nội dung "chi gui tien lai cho e 4trieu và chau kien 4trieu nhe".

10. Ngày 18/3/2024, bà Nguyễn Thị Tuyết H1 chuyển khoản cho ông Đào Huy C số tiền 8.000.000 đồng, có nội dung "chi gui tien lai cho e 4trieu và chau kien 4trieu nhe".

11. Ngày 19/4/2024, bà Nguyễn Thị Tuyết H1 chuyển khoản cho ông Đào Huy C số tiền 8.000.000 đồng, có nội dung "chi gui tien lai cho e 4trieu và chau kien 4trieu nhe".

12. Ngày 18/5/2024, bà Nguyễn Thị Tuyết H1 chuyển khoản cho ông Đào Huy C số tiền 8.000.000 đồng, có nội dung "chi gui tien lai cho e 4trieu và chau kien 4trieu nhe".

13. Ngày 27/6/2024, bà Nguyễn Thị Tuyết H1 chuyển khoản cho ông Đào Huy C số tiền 8.000.000 đồng, có nội dung "chi gui tien lai cho e 4trieu và chau kien 4trieu thang 6 nhe".

Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.5] Xét thấy, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định *"Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực"*. Như vậy, mức lãi suất các bên thỏa thuận 2%/tháng tương đương 24%/năm là vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên mức lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá không có hiệu lực, chỉ có căn cứ chấp nhận mức lãi suất vay là 20%/năm tương đương 1,67%/tháng. Tại Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn xử lý thỏa thuận về lãi, lãi suất cao hơn mức lãi, lãi suất được pháp luật quy định: "*Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn cao hơn mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn được pháp luật quy định thì mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi*

suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi; số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì được trả lại cho bên vay". Số tiền lãi và gốc được tính lại như sau:

- Tháng 6/2023: 200.000.000 đồng x 1.67%/tháng = 3.340.000 đồng. Bà H1 đã trả số tiền lãi 4.000.000 đồng nên số tiền lãi lượt quá quy định là 660.000 đồng, số tiền này được trừ vào số tiền gốc. Do đó, bà H1 còn nợ lại số tiền gốc là 199.340.000 đồng.

- Tháng 7/2023: 199.340.000 đồng x 1.67%/tháng = 3.328.978 đồng. Bà H1 đã trả số tiền lãi 4.000.000 đồng nên số tiền lãi lượt quá quy định là 671.022 đồng, số tiền này được trừ vào số tiền gốc. Do đó, bà H1 còn nợ lại số tiền gốc là 198.668.978 đồng.

- Tháng 8/2023: 198.668.978 đồng x 1.67%/tháng = 3.317.772 đồng. Bà H1 đã trả số tiền lãi 4.000.000 đồng nên số tiền lãi lượt quá quy định là 682.228 đồng, số tiền này được trừ vào số tiền gốc. Do đó, bà H1 còn nợ lại số tiền gốc là 197.986.750 đồng.

- Tháng 9/2023: 197.986.750 đồng x 1.67%/tháng = 3.306.379 đồng. Bà H1 đã trả số tiền lãi 4.000.000 đồng nên số tiền lãi lượt quá quy định là 693.621 đồng, số tiền này được trừ vào số tiền gốc. Do đó, bà H1 còn nợ lại số tiền gốc là 197.293.129 đồng.

- Tháng 10/2023: 197.293.129 đồng x 1.67%/tháng = 3.294.795 đồng. Bà H1 đã trả số tiền lãi 4.000.000 đồng nên số tiền lãi lượt quá quy định là 705.205 đồng, số tiền này được trừ vào số tiền gốc. Do đó, bà H1 còn nợ lại số tiền gốc là 196.587.924 đồng.

- Tháng 11/2023: 196.587.924 đồng x 1.67%/tháng = 3.283.018 đồng. Bà H1 đã trả số tiền lãi 4.000.000 đồng nên số tiền lãi lượt quá quy định là 716.982 đồng, số tiền này được trừ vào số tiền gốc. Do đó, bà H1 còn nợ lại số tiền gốc là 195.870.942 đồng.

- Tháng 12/2023: 195.870.942 đồng x 1.67%/tháng = 3.271.045 đồng. Bà H1 đã trả số tiền lãi 4.000.000 đồng nên số tiền lãi lượt quá quy định là 728.955 đồng, số tiền này được trừ vào số tiền gốc. Do đó, bà H1 còn nợ lại số tiền gốc là 195.141.987 đồng.

- Tháng 01/2024: 195.141.987 đồng x 1.67%/tháng = 3.258.871 đồng. Bà H1 đã trả số tiền lãi 4.000.000 đồng nên số tiền lãi lượt quá quy định là 741.129 đồng, số tiền này được trừ vào số tiền gốc. Do đó, bà H1 còn nợ lại số tiền gốc là 194.400.858 đồng.

- Tháng 02/2024: 194.400.858 đồng x 1.67%/tháng = 3.246.494 đồng. Bà H1 đã trả số tiền lãi 4.000.000 đồng nên số tiền lãi lượt quá quy định là 753.506 đồng, số tiền này được trừ vào số tiền gốc. Do đó, bà H1 còn nợ lại số tiền gốc là 193.647.352 đồng.

- Tháng 3/2024: 193.647.352 đồng x 1.67%/tháng = 3.233.911 đồng. Bà H1 đã trả số tiền lãi 4.000.000 đồng nên số tiền lãi lượt quá quy định là 766.089 đồng, số tiền này được trừ vào số tiền gốc. Do đó, bà H1 còn nợ lại số tiền gốc là 192.881.263 đồng.

- Tháng 4/2024: 192.881.263 đồng x 1.67%/tháng = 3.221.117 đồng. Bà H1 đã trả số tiền lãi 4.000.000 đồng nên số tiền lãi lượt quá quy định là 778.883 đồng, số tiền này được trừ vào số tiền gốc. Do đó, bà H1 còn nợ lại số tiền gốc là 192.102.380 đồng.

- Tháng 5/2024: 192.102.380 đồng x 1.67%/tháng = 3.208.110 đồng. Bà H1 đã trả số tiền lãi 4.000.000 đồng nên số tiền lãi lượt quá quy định là 791.890 đồng, số tiền này được trừ vào số tiền gốc. Do đó, bà H1 còn nợ lại số tiền gốc là 191.310.490 đồng.

- Tháng 6/2024: 191.310.490 đồng x 1.67%/tháng = 3.194.885 đồng. Bà H1 đã trả số tiền lãi 4.000.000 đồng nên số tiền lãi lượt quá quy định là 805.115 đồng, số tiền này được trừ vào số tiền gốc. Do đó, bà H1 còn nợ lại số tiền gốc là 190.505.375 đồng.

Như vậy, số tiền nợ gốc bà Nguyễn Thị Tuyết H1 còn phải trả cho ông Đào Văn K là 190.505.375 đồng.

[2.6] Về lãi suất: Nguyên đơn ông Đào Văn K yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H1 trả lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất 30%/năm tính từ ngày 01/7/2024 tạm tính đến ngày 27/8/2026 là 190.223.652 đồng x 30%/năm x 787 ngày = 123.046.039 đồng. Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 466 và điểm c khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao việc nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất chậm thanh toán nợ gốc theo mức lãi suất 30%/năm là phù hợp. Xét thấy, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 05 tháng tính từ ngày 23/5/2023 đến ngày 23/10/2023, mặc dù hết thời hạn thanh toán hai bên không lập văn bản gia hạn thêm thời gian trả nợ nhưng khi đến hạn trả nợ gốc ông K đồng ý cho bà H1 tiếp tục trả lãi và bà H1 trả lãi cho nguyên đơn đến tháng 6 năm 2024, kỳ trả lãi tiếp theo vào ngày 23/7/2024 nhưng bị đơn không tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả nợ gốc quá hạn từ ngày 24/7/2024. Như đã nhận định tại mục [2.5] số tiền gốc bị đơn còn nợ nguyên đơn là 190.505.375 đồng nên số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn: 190.505.375 đồng x 2.5%/tháng x 2 năm 01 tháng x 03 ngày (tính từ ngày 24/7/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/8/2026) = 119.542.122 đồng.

[3]. Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Văn K với bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H1. Bà Nguyễn Thị Tuyết H1 phải trả cho ông Đào Văn K tổng số tiền 310.047.497 đồng bao gồm nợ gốc 190.505.375 đồng và tiền lãi 119.542.122 đồng.

[4]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 184, 227, 228, 235, 244, 254, 266, 267, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án năm 2025;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Văn K với bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản":

- Bà Nguyễn Thị Tuyết H1 có trách nhiệm trả cho ông Đào Văn K số tiền 310.047.497 đồng (Ba trăm mười triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi bảy đồng) bao gồm nợ gốc 190.505.375 đồng (Một trăm chín mươi triệu năm trăm lẻ năm nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng) và tiền lãi 119.542.122 đồng (Một trăm mười chín triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn một trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày 28/8/2026 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản nợ, bà Nguyễn Thị Tuyết H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết H1 phải chịu 15.502.375 đồng (Mười lăm triệu năm trăm lẻ hai nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

- Trả lại cho ông Đào Văn K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.868.000 đồng (Bảy triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015143 ngày 11/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận về việc thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6, 7, 36, 71, 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 – TP. Hồ Chí Minh;
- THADS Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nga